***Ngày soạn: 21/03/2021***

**Chủ đề 12**

**HOAÏT ÑOÄNG THAÀN KINH VAØ VEÄ SINH HEÄ THAÀN KINH**

**Tổng số tiết:3;từ tiết 50 đến tiết 51 và tiết 53**

**Giới thiệu chủ đề:** Hệ thần kinh là một hệ cơ quan phân hóa cao nhất trong [cơ thể người](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C6%A1_th%E1%BB%83_ng%C6%B0%E1%BB%9Di), ở dưới dạng ống và mạng lưới đi khắp cơ thể.. Về chức năng, hệ thần kinh được chia thành [hệ thần kinh vận động](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%87_th%E1%BA%A7n_kinh_v%E1%BA%ADn_%C4%91%E1%BB%99ng&action=edit&redlink=1) (điều khiển [cơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C6%A1), [xương](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C6%B0%C6%A1ng)) và [hệ thần kinh sinh dưỡng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%87_th%E1%BA%A7n_kinh_sinh_d%C6%B0%E1%BB%A1ng&action=edit&redlink=1) ([hệ thần kinh thực vật](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%87_th%E1%BA%A7n_kinh_th%E1%BB%B1c_v%E1%BA%ADt&action=edit&redlink=1)). Hệ thần kinh sinh dưỡng lại gồm 2 phân hệ là [phân hệ giao cảm](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%C3%A2n_h%E1%BB%87_giao_c%E1%BA%A3m&action=edit&redlink=1) và [phân hệ đối giao cảm](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%C3%A2n_h%E1%BB%87_%C4%91%E1%BB%91i_giao_c%E1%BA%A3m&action=edit&redlink=1). [Hoạt động thần kinh cấp cao](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ho%E1%BA%A1t_%C4%91%E1%BB%99ng_th%E1%BA%A7n_kinh_c%E1%BA%A5p_cao&action=edit&redlink=1) ở người hình thành nên nhiều các [phản xạ được tập quen](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%A3n_x%E1%BA%A1_%C4%91%C6%B0%E1%BB%A3c_t%E1%BA%ADp_quen) rất phức tạp mà không [sinh vật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Sinh_v%E1%BA%ADt) nào có được. Vì vậy, việc "[vệ sinh](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BB%87_sinh)" hệ thần kinh có cơ sở [khoa học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Khoa_h%E1%BB%8Dc) là cần thiết để hệ thần kinh luôn đạt chất lượng hoạt động cao.

**I.Mục tiêu:**

**1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ:**

**\*Kiến thức:**Học xong chủ đề này HS có thể:

- Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.

- Nêu rõ ý nghĩa của các phản xạ này đối với đời sống của sinh vật nói chung và con người nói riêng.

- Phân tích những điểm giống nhau và khác nhau giữa các phản xạ có điều kiện ở người với các động vật nói chung và thú nói riêng.

- Trình bày được vai trò của tiếng nói chữ viết và khả năng tư duy trừu tượng của con người.

- Nêu rõ được tác hại của rượu, thuốc lá và các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh.

**\*Kĩ năng:**

- Rèn luyện khả năng tư duy, so sánh

- Rèn khả năng liên hệ thực tế.

**\*Thái độ:**

- Giáo dục ý thức hình thành cho mình những thói quen tốt trong cuộc sống.

- Giáo dục ý thức học tập , xây dựng tập quán tốt, nếp sống văn hoá.

- Giáo dục ý thức vệ sinh, giữ gìn sức khoẻ.

- Giáo dục kỹ năng sống :

+ Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin khi đọc SGK, sách báo để tìm hiểu các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh

+ Kỹ năng từ chối : không sử dụng, lạm dụng các chất kích thích hay chất ức chế hệ thần kinh.

+ Kỹ năng tự tin khi phát biểu ý kiến trước tổ, nhóm , lớp.

+ Kỹ năng lắng nghe tích cực, ứng xử/ giao tiếp trong khi thảo luận.

+ Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin khi đọc SGK, quan sát sơ đồ để tìm hiểu khái niệm, sự hình thành và ức chế của phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện; so sánh tính chất của phản xạ không điều kiện với phản xạ có điều kiện.

**2. Định hướng phát triển năng lực học sinh:**

***a.Năng lực chung***

- Năng lực tự học, hợp tác nhóm, giao tiếp

- Năng lực tìm kiến thức qua quan sát

- Năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề của bản thân và có biện pháp nâng cao sức khỏe của bản thần và người nhà cụ thể là bảo vệ hệ thần kinh

- Năng lực tư duy, nghiên cứu

***b.Năng lực chuyên biệt***

- Năng lực gắn kết bản thân với môi trường sống xung quanh để thấy được môi trường có ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe bản thân và mọi người.Năng lực nhận biết và phòng chống tác hại của các tác nhân gay hại cho hệ thần kinh

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1.Giáo viên:**

- Hình 52.1-3. Bảng ghi nội dung bảng 52.2

- Tư liệu về sự hình thành tiếng nói chữ viết.

- Các vùng của vỏ não.

- Chuẩn bị tranh ảnh truyền thông về tác hại của các chất gây nghiện: rượu, thuốc lá, ma tuý.

- Bảng phụ ghi nội dung bảng 54-Các chất có hại đối với hệ thần kinh.

**2. Học sinh:**

- Đọc trước bài . Kẻ và làm bảng 52.1 vào vở bài tập.

- Tìm hiểu hoạt động của vật nuôi, kẻ trước bảng 52.2 vào vở bài tập.

+ Tổ 1 :Tìm hiểu tác hại và cách phòng chống bia rượu.

+ Tổ 2 :Tìm hiểu tác hại và cách phòng chống bóng cười

+ Tổ 3 :Tìm hiểu tác hại và cách phòng chống cỏ mỹ

+ Tổ 4 :Tìm hiểu tác hại và cách phòng chống ma túy đá

- Đọc trước bài và tự trả lời các câu hỏi định hướng sau:

1. Sự thành lập và ức chế các phản xạ có điều kiện ở người có ý nghĩa gì?

2. Tiếng nói chữ viết có vai trò gì trong đời sống?

3.Tìm hiểu về ý nghĩa củatư duy trừu tượng

**III. Tiến trình dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động I: Tình huống xuất phát/Khởi động** (Dự kiến thời lượng:5’)  **Mục tiêu hoạt động:** HS hình dung được mình chuẩn bị học kiến thức gì | | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** | | |
| GV hỏi:  -*Phản xạ là gì?*      GV treo bảng phụ, yêu cầu HS làm bài tập | **Dự kiến sản phẩm** :  Phản xạ là phản ứng của cơ thể trả lời kích thích của môi trường thông qua hệ thần kinh  HS làm bài tập | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phản xạ** | **Không học vẫn biết, vẫn có** | **Có học mới biết** | | Tay chạm phải vật nóng, rụt tay lại | x |  | | Đi nắng, mặt đỏ gay, mồ hôi vã ra | x |  | | Qua ngã tư thấy đèn đỏ vội dừng xe trước vạch kẻ |  | x | | Gió mùa đông bắc về, nghe tiếng gió rít qua khe cửa chắc trời lạnh lắm, tôi vội mặc áo len đi học |  | x | | Chẳng dại gì mà chơi/đùa với lửa |  | x | | Trời rét, môi tím tái, người run cầm cập và sởn gai ốc | x |  | | | | |
| GV dẫn dắt: có loại phản xạ không cần học vẫn biết nhưng có loại phải học mới biết.Vậy các loại phản xạ đó có tên gọi là gì, chúng ta tìm hiểu bài hôm nay | | HS đánh giá sản phẩm của bạn  GV đánh giá sản phẩm của HS | |
| **Hoạt động I: Hình thành kiến thức** (Dự kiến thời lượng:115’) | | | |
| **Nội dung 1**:**Phản xạ không điều kiện (PXKĐK)và phản xạ có điều kiện (PXCĐK)**  (Dự kiến thời lượng:40’)  **Mục tiêu hoạt động:**  - Phân biệt được 2 loại phản xạ.  -Trình bày quá trình thành lập và ức chế phản xạ có điều kiện và nêu được các điều kiện cần có khi thành lập phản xạ có điều kiện.  -So sánh tích chất của 2 loại phản xạ | | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| ***I.Phân biệt phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện***  🏵Từ bài tập trên phân loại phản xạ không học vẫn biết là phản xạ không điều kiện còn lại là phản xạ có điều kiện  GV hỏi: *Thế nào là phản xạ không điều kiện, phản xạ có điều kiện*  GV yêu cầu HS tìm thêm 2 ví dụ cho mỗi phản xạ.  ***II. Sự hình thành phản xạ có điều kiện:***  ***1. Hình thành phản xạ có điều kiện:***  🏵GV chiếu hình 52.1 → 3 cho HS quan sát:   GV cùng HS nghiên cứu thí nghiệm của Paplốp → trình bày thí nghiệm hình thành phản xạ tiết nước bọt khi có ánh đèn GV chiếu sơ đồ  C:\Users\MYPC~1\AppData\Local\Temp\msohtmlclip1\01\clip_image199.jpg  GV cho HS trả lời:  *- Để thành lập phản xạ có điều kiện cần có những điều kiện gì?*  *- Thực chất của việc thành lập phản xạ có điều kiện?*  GV hoàn thiện lại kiến thức.  GV có thể mở rộng thêm:  - *Đường liên hệ tạm thời giống như bãi cỏ nếu ta đi thường xuyên sẽ có con đường, nếu không đi nữa cỏ sẽ lấp kín.*  GV yêu cầu HS liên hệ thực tế: tạo thói quen tốt.  ***2. Ức chế phản xạ có điều kiện***  GV hỏi tiếp:  *- Trong thí nghiệm trên nếu ta chỉ bật đèn mà không cho chó ăn nhiều lần thì hiện tượng gì sẽ xảy ra?*  (Khi đó ta nói đã xảy ra ức chế PXCĐK, có thể nói là quên đi phản xạ đã hình thành)  *- Nêu ý nghĩa của sự hình thành và ức chế của PXCĐK đối với đời sống?*  (Để quên đi các phản xạ cũ, hình thành nên các phản xạ mới cho phù hợp với cuộc sống)  ***3. So sánh PXCĐK và PXKĐK***  🏵GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập : hoàn thiện bảng 52.2 trang 168  GV treo bảng phụ gọi HS trình bày.  GV chốt lại đáp án đúng  GV yêu cầu HS đọc kỹ thông tin: *Mối quan hệ giữa PXCĐK và PXKĐK*  GV tiểu kết***- PXKĐK là cơ sở để thành lập PXCĐK.*** | | | ***I.Phân biệt phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện***  HS trả lời và rút ra kiến thức  ***Nội dung:***  ***-Phản xạ không điều kiện là phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập.***  ***- Phản xạ có điều kiện là phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện*.**   HS tìm thêm 2 ví dụ  ***II. Sự hình thành phản xạ có điều kiện:***  ***1. Hình thành phản xạ có điều kiện:***  HS hiểu được được các bước tiến hành thí nghiệm và hình thành PXCĐK  HS vận dụng kiến thức trên nêu được các điều kiện thành lập phản xạ có điều kiện.  ***Nội dung: Để hình thành phản xạ có điều kiện***  ***- Phải có sự kết hợp của kích thích có điều kiện và kích thích không điều kiện.***  ***- Quá trình kết hợp đó phải lập đi lập lại nhiều lần.***  ***\*Thực chất của thành lập PXCĐK là sự hình thành đường liên hệ tạm thời nối các vùng của vỏ đại não với nhau***  ***2. Ức chế phản xạ có điều kiện***  ⚫**Dự kiến sản phẩm**:  - Chó sẽ không tiết nước bọt khi có ánh đèn nữa.  - Đảm bảo sự thích nghi với điều kiện sống luôn thay đổi.  HS lấy ví dụ.  Một vài HS nêu ví dụ và rút ra kiến thức  ***Nội dung:***  ***- Khi phản xạ không được củng cố thì phản xạ mất dần***  ***- Hình thành các thói quen tập quán tốt với con người***  ***- Ý nghĩa: đảm bảo sự thích nghi với môi trường và điều kiện sống luôn thay đổi***  ***3. So sánh PXCĐK và PXKĐK***  🏵HS dựa vào kiến thức của mục 1 và 2, hoàn thành bài tập.  Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác đánh giá bổ sung.  HS đọc kết luận trong SGK và rút ra kiến thức |
| ***3. So sánh PXCĐK và PXKĐK***  *\*****Mối liên quan:***  ***- PXKĐK là cơ sở để thành lập PXCĐK.***  ***- Phải có sự kết hợp giữa kích thích có điều kiện và kích thích không điều kiện***     |  |  | | --- | --- | | **Tính chất của phản xạ**  **không điểu kiện** | **Tính chất của phản xạ**  **có điều kiện** | | 1. Trả lời các kích thích tương ứng hay kích thích không điều kiện    2.   Bẩm sinh.   3.   Bền vững   4.   Có tính chất di truyền, mang tính chất chủng loại   5.   Số lượng hạn chế   6.   Cung phản xạ đơn giản   7. Trung ương nằm ở trụ não, tuỷ sống | 1.   Trả lời các kích thích bất kì hay kích  thích có điều kiện đã được kết hợp với  kích thích không điều kiện một số lần)  2.   Được hình thành trong đời sống  3.   Dễ mất khi không củng cố  4.   Có tính chất cá thể, không di truyền  5.   Số lượng không hạn định  6.  Hình thành đường liên hệ tạm thời  7. Trung ương chủ yếu là vỏ não | | | | |
| **Nội dung 2:Hoạt động thần kinh cấp cao ở người** (Dự kiến thời lượng:35’)  **Mục tiêu hoạt động**:  -Hiểu rõ sự thành lập và ức chế các phản xạ có điều kiện ở người, từ đó chỉ ra được sự giống và khác nhau giữa các phản xạ có điều kiện ở người và động vật.  -Hiểu được vai trò của tiếng nói và chữ viết  -Tìm hiểu về ý nghĩa củatư duy trừu tượng | | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| ***I*.*Sự thành lập và ức chế các phản xạ có điều kiện ở người.***  🏵GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK, trả lời câu hỏi:  *- Thông tin trên cho em biết những gì?*    *- Lấy ví dụ trong đời sống về sự thành lập phản mới, ức chế phản xạ cũ?*  *- Sự thành lập và ức chế các phản xạ có điều kiện ở người giống và khác động vật ở những điểm nào?*      GV yêu cầu HS lấy ví dụ cụ thể.  GV nhấn mạnh: Khi PXCĐK không củng cố thì ức chế sẽ xuất hiện.Do đó trong quá trình học tập cần được diễn ra thường xuyên  ***II. Vai trò của tiếng nói và chữ viết:***  🏵GV yêu cầu HS tìm hiểu thông tin và trả lời câu hỏi:  *- Tiếng nói chữ viết có vai trò gì trong đời sống?*  GV có thể yêu cầu HS lấy ví dụ thực tế để minh hoạ.  GV hoàn thiện kiến thức  ***III. Tư duy trừu tượng:***  🏵GV phân tích ví dụ: con gà, con cá, con trâu… có đặc điểm chung, từ đó xây dựng khái niệm động vật và diễn đạt bằng lời khả năng đố gọi là tư duy trừu tượng.  GV cho hs lấy VD  GV tổng kết lại kiến thức. | | | ***I. Sự thành lập và ức chế các phản xạ có điều kiện ở người:***  🏵Cá nhân tự thu nhận thông tin và trả lời câu hỏi.  ⚫**Dự kiến sản phẩm:**  - Phản xạ có điều kiện hình thành ở trẻ từ rất sớm.  - Bên cạnh sự thành lập, xảy ra quá trình ức chế phản xạ giúp cơ thể thính nghi với đời sống.  - Giống nhau về quá trình thành lập và ức chế PXCĐK và ý nghĩa của chúng với đời sống.  - Khác nhau về số lượng và mức độ phức tạp của phản xạ.  - Lấy được các ví du:  + Học tập được nhiều kiến thức qua các moan học  + Xây dựng các thói quen sống khoa học như: ăn đúng giờ, sinh hoạt theo thời gian biểu, có các hoạt động lành mạnh…  HS đánh giá sản phẩm của bạn  GV đánh giá sản phẩm của HS      HS rút ra kiến thức  ***Nội dung: Sự thành lập và ức chế các phản xạ có điều kiện là 2 quá trình thuận nghịch liên hệ mật thiết với nhau giúp cơ thể thích nghi với đời sống***  ***II. Vai trò của tiếng nói và chữ viết:***  🏵HS tự thu nhận thông tin,  ⚫**Dự kiến sản phẩm:**  - Tiếng nói chữ viết giúp mô tả sự việc → đọc nghe tưởng tượng ra được.  - Tiếng nói chữ viết là kết quả của quá trình học tập, hình thành các phản xạ có điều kiện. Là phương tiện giao tiếp, trao đổi kinh nghiệm với nhau.  HS đánh giá sản phẩm của bạn  GV đánh giá sản phẩm của HS  HS rút ra kiến thức  ***Nội dung:Tiếng nói và chữ viết là:***  ***-Tín hiệu gây PXC ĐK cấp cao***  ***- Phương tiện giao tiếp trao đổi kinh nghiệm với nhau.***    ***III. Tư duy trừu tượng:***  HS ghi nhớ kiến thức.        - VD : đồ dùng học tập : là đồ dùng phục vụ cho quá trình học tập : bút, thước, vở…  HS rút ra kiến thức  ***Nội dung:******Con người biết khái quát hoá từ những thuộc tính chung thành khái niệm được diễn đạt bằng các từ.*** |
| **Nội dung 3:Vệ sinh hệ thần kinh** (Dự kiến thời lượng:40’)  **Mục tiêu hoạt động** Biết được ý nghĩa của giấc ngủ và biện pháp để có giấc ngủ tốt.  -HS trình bày được các biện pháp lao động và nghỉ ngơi hợp lý.  -HS biết được tên và loại chất có hại cũng như tác hại của chúng đối với hệ thần kinh. | | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| ***I. Ý nghĩa của giấc ngủ đối với sức khỏe:***  🏵GV có thể cung cấp thông tin về giấc ngủ:  - Chó có thể nhịn ăn 20 ngày vẫn có thể nuôi béo trở lại nhưng mất ngủ 10-12 ngày là chết.  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *- Vì sao nói ngủ là một nhu cầu sinh lí của cơ thể?*  *- Giấc ngủ có ý nghĩa như thế nào đối với sức khoẻ?*  *- Muốn có giấc ngủ tốt cần những điều kiện gì? Nêu những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến giấc ngủ?*      ***II. Lao động và nghỉ ngơi hợp lý:***  🏵GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  - Tại sao không nên làm việc quá sức? Thức quá khuya?  GV gọi một HS đọc to lại          ***III. Tránh lạm dụng các chất kích thích và ức chế đối với HTK***  🏵GV yêu cầu HS thuyết trình bài tập theo chủ đề:  + Tổ 1:Tìm hiểu tác hại và cách phòng chống bia rượu.  +Tổ 2:Tìm hiểu tác hại và cách phòng chống bóng cười  +Tổ 3:Tìm hiểu tác hại và cách phòng chống cỏ mỹ  +Tổ 4 :Tìm hiểu tác hại và cách phòng chống ma túy đá  GV theo dõi và đánh giá  GV bổ sung tác hại của thuốc lá và cho HS hoàn thành bảng 54  **-** Tích hợp giáo dục: “Phòng, chống tệ nạn xã hội” tôi cho các em liên hệ thực tế : “ *Ở lớp em, trường em có hiện tượng hút thuốc lá, uống rượu, chích ma túy không và đề xuất biện pháp khắc phục*” 🡪 Giáo dục các em không được uống rượu, hút thuốc và dùng chất kích thích có hại cho sức khỏe. Chúng ta phải sống giản dị, lành mạnh, biết giữ mình và giúp nhau để không sa vào tệ nạn xã hội. Cần tuân thủ theo những qui định của pháp luật và tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội trong nhà trường và địa phương. | | | ***I. Ý nghĩa của giấc ngủ đối với sức khỏe:***  🏵HS lắng nghe thông tin.       HS dựa vào những hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi  ⚫**Dự kiến sản phẩm:**  - Ngủ là đòi hỏi tự nhiên của cơ thể, cần hơn ăn.  - Ngủ để phục hồi hoạt động của cơ thể.  - Ngủ đúng giờ. Tránh các yếu tố ảnh hưởng đến giấc ngủ như: chất kích thích, phòng ngủ, áo quần, giường ngủ…  HS trình bày ý kiến.  HS đánh giá sản phẩm của bạn  GV đánh giá sản phẩm của HS  HS rút ra kiến thức  ***Nội dung:***  ***- Ngủ là quá trình ức chế của bộ não đảm bảo sự phục hồi khả năng làm việc của hệ thần kinh.***  ***- Biện pháp để có giấc ngủ tốt:***  ***+ Cơ thể sảng khoái.***  ***+ Chỗ ngủ thuận tiện.***  ***+ Không dùng các chất kích thích như chè, cà phê…***  ***II. Lao động và nghỉ ngơi hợp lý:***  🏵HS nêu được:  - Để tránh gây căng thẳng, mệt mỏi cho hệ thần kinh.  GV nhận xét,đánh giá.  HS đọc thông tin trong SGK và rút ra kiến thức.  ***Nội dung:***  ***- Lao động và nghỉ ngơi hợp lý để giữ gìn và bảo vệ HTK.***  ***- Ngủ đủ giấc,  tránh lo âu …***  ***III. Tránh lạm dụng các chất kích thích và ức chế đối với HTK***  🏵HS vận dụng những hiểu biết trong sách báo… làm bài tập thuyết trình và trình bày trước lớp đồng thời có thêm câu khẩu hiệu để tuyên truyền  HS theo dõi và đánh giá lẫn nhau  HS hoàn thành bảng 54 và rút ra kiến thức |
| ***Nội dung:***     |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chất** | **Tên chất** | **Tác hại** | | **Chất kích thích** | **- Rượu**  **- Nước chè, cà phê** | **- Hoạt động của vỏ não bị rối loạn, trí nhớ kém.**  **- Kích thích hệ thần kinh, gây khó ngủ** | | **Chất gây nghiện** | **- Thuốc lá**    **- Ma tuý** | **- Cơ thể suy yếu, dễ mắc các bệnh ung thư. Khả năng làm việc trí óc giảm, trí nhớ kém.**  **- Suy yếu nòi giống, cạn kiệt kinh tế, lây nhiễm HIV, mất nhân cách…** | | | | |
| **Hoạt động III: Luyện tập** (Dự kiến thời lượng:5’)  **Mục tiêu hoạt động** Giúp học sinh củng cố lại các kiến thức đã học | | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| GV cho HS làm bài tập:  **Bài 1**: Phân biệt phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện   1. Em bé sinh ra đã biết bú sữa mẹ 2. Học sinh tập thể dục giữa buổi học vào giờ ra chơi 3. Sua khi ra chơi, bạn nào cũng ra mồ hôi thật nhiều 4. Thấy cô giáo vào lớp, cả lớp đứng dậy chào 5. Các bạn đều học thuộc bảng cửu chương 6. 1 số bạn học sinh biết bơi 7. Ở trong thời tiết lạnh quá lâu, người se run lên bần bật   **Bài 2**: Khi có người cù rủ em hít ma túy đá thử 1 lần cho biết em nên làm như thế nào  **Bài 3:**  a) Nêu các bước hình thành được phản xạ: Vỗ tay khi cho cá ăn.  b) Để nhớ bài lâu, em phải học như thế nào? | | | HS làm bài tập  Bài 1:   * Phản xạ có điều kiện: 1, 3, 7 * Phản xạ có điều kiện: 2, 4, 5, 6   **Bài 2:** HS có thể trả lời tình huống mà GV đưa ra theo nhiều ý khác nhau, sau đó tổng hợp để có phương án tốt nhất  **Bài 3:**  **a) Các bước hình thành phản xạ:**  - Bước 1: Chọn hình thức kết hợp phù hợp:  + Kích thích có điều kiện: vỗ tay  + Kích thích không có điều kiện: cho cá ăn  - Bước 2: Kết hợp 2 kích thích: vỗ tay và cho cá ăn.  - Bước 3: Củng cố, làm nhiều lần liên tục dần hình thành đường liên hệ thần kinh tạm thời giữa trung khu thính giác và trung khu ăn uống. Khi đã hình thành đường liên hệ thần kinh tạm thời thì chỉ cần vỗ tay thì cá nổi lên.  **b) Để nhớ bài lâu, em cần có cách học:** đọc nhiều, viết lại nhiều lần liên tục vì khi đọc và viết lại nhiều lần như thế sẽ hình thành đường liên hệ thần kinh tạm thời giữa vùng thị giác, vùng hiểu tiếng nói và chữ viết, vùng thính giác. Lúc đó, ta sẽ nhớ bài lâu hơn |
| **Hoạt động IV: Vận dụng** (Dự kiến thời lượng:10’)  **Mục tiêu hoạt động:** Giúp HS mở rộng kiến thức về tác hại của ma túy, nghiện game online với hệ thần kinh và hậu quả của nó | | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| **1.Thuốc phiện**  Thuốc phiện là **chất ma túy** được chiết suất từ cây anh túc, có tác dụng tạo cảm giác hưng phấn, không biết đau, không biết mệt, không cảm thấy đói, tinh thần tỉnh táo.  **Tác hại:** Sử dụng thuốc phiện có thể khiến bệnh nhân bị kém trí nhớ, hay bị nhầm lẫn, buồn nôn, nói lắp, thiếu sự phối hợp, phờ phạc, chóng mặt, buồn ngủ, ức chế, đầu óc quay cuồng, ảo giác, ảo tưởng, đau đầu, có thể đột ngột tử vong do suy tim, ngạt thở, co giật, hôn mê…  Sử dụng thuốc phiện trong thời gian dài, con người dễ mắc các bệnh về gan và thận. Hệ xương cũng bị thiệt hại do thiếu canxi, hiện tượng co thắt chân tay cũng thường xuyên xảy ra do tổn thương thần kinh. Đặc biệt thuốc phiện còn gây tổn thương não do thiếu oxy gây ra các bệnh về thần kinh, ảnh hưởng đến tư duy, tầm nhìn và lắng nghe của người nghiện.  Ngoài ra, nếu phụ nữ mang thai mà nghiện thuốc phiện có thể gây nguy hiểm cho thai nhi như thai chết lưu hoặc dễ sinh non, trẻ bị nhẹ cân, sức khỏe kém, dễ mắc các bệnh về hệ thần kinh từ giai đoạn sơ sinh.  **Triệu chứng cai:** Buồn nôn, chán ăn, đổ mồ hôi, co giật, khó ngủ và thay đổi tâm trạng.  **2. Tác hại của nghiện game tới não bộ và sức khỏe tâm thần**  **Trẻ chơi game nhiều trên 10 giờ / ngày trong một tuần có khả năng bị giảm hoạt động của các vùng chức năng của não bộ, bao gồm các vùng tập trung chú ý, vùng ức chế, vùng quyết định và vùng quyết định thực hiện. Lâu dần có thể tác động tiêu cực đến cảm xúc và nhận thức của người chơi.**  **1. Tác hại của chơi game đến sức khỏe tâm thần**  Chơi game nhiều ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần của người chơi như: Luôn cảm thấy mệt mỏi, cảm giác mất năng lượng hoặc nghỉ ngơi khó lại sức do ngồi chơi game kéo dài và liên tục; buồn chán, bi quan, cảm giác cô đơn, bất an; mất các hứng thú với các thú vui, sở thích cũ, mọi thứ chỉ dồn vào game; dễ cảm thấy bực dọc, cáu gắt, dễ gây gổ dù chỉ là những chuyện rất nhỏ; xu hướng chống đối với người thân hoặc đồng nghiệp; cảm giác vô dụng, người thừa hoặc là người có lỗi; xu hướng muốn bạo lực hoặc tự sát; rối loạn giấc ngủ; chán ăn, ăn ít.  **2. Tác hại của game đến cuộc sống**  Game online có khả năng gây nghiện. Các nhà làm game đều tối ưu hóa lợi nhuận bằng các thiết kế có yếu tố gây nghiện và lôi kéo người chơi. Người chơi cần phải đầu tư rất nhiều thời gian, công sức và tiền bạc để đạt kết quả cao trong game. Việc tăng thời gian vào thế giới ảo làm ảnh hưởng đến cuộc sống và các mối quan hệ của người chơi như mâu thuẫn với gia đình, bạn bè, đồng nghiệp; bỏ học, thất nghiệp; nợ nần, cầm cố, trộm cắp; ảnh hưởng đến sức khỏe (giảm thị lực, giảm miễn dịch, rối loạn tiêu hóa, rối loạn khả năng tình dục...).  **3. Những thay đổi về não bộ của người chơi**  Các hình ảnh rối loạn chức năng não bộ trên MRI sau một thời gian chơi game bạo lực là có thật, nó không chỉ là ảnh hưởng đến tâm lý mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của não bộ.  **4. Biểu hiện của tình trạng nghiện game**  Các biểu hiện thường thấy khi bị nghiện game như: thời gian chơi game nhiều hơn 3 giờ/ ngày, liên tục trong thời gian 1 tháng trở lên; có xu hướng muốn tăng thời gian chơi game không kiểm soát được; không kiểm soát được gây ảnh hưởng đến thời gian và giảm hiệu quả cho các công việc khác như chăm sóc bản thân (vệ sinh cá nhân), học tập, các mối quan hệ xã hội và công việc; có các hành vi nói dối, lừa đảo để đi chơi game, các hành vi vi phạm pháp luật như trộm cắp để có tiền chơi game; sử dụng tiền | | | **Quả cây anh túc**  Cây hoa anh túc  **Nhựa cây anh túc**  Quả anh túc  bo-anh-soc-nhung-ngay-cuoi-doi-cua-mot-con-nghien-3  Nghiện game đang là vấn nạn đáng lo ngại trong xã hội hiện nay  **1. Tác hại của chơi game đến sức khỏe tâm thần**  Nghiện game  **2. Tác hại của game đến cuộc sống**  http://itplus-academy.edu.vn/upload/game-online-d.jpg  **3. Những thay đổi về não bộ của người chơi**  http://itplus-academy.edu.vn/upload/game%204.jpg  **4. Biểu hiện của tình trạng nghiện game**  Nghiện game |

**IV. Câu hỏi/Bài tập kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh**

**1.Bảng mô tả ma trận kiểm tra, đánh giá theo các mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Nội dung 1**  Phản vạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện | Mô tả quá trình hình thành một phản xạ có điều kiện | ví dụ về phản xạ không điều kiện, ví dụ về phản xạ có điều kiện | Xác định nguyên nhân của việc mình bị quên 1 số bài thơ cũ và nhớ 1 số bài thơ mới học |  |
| **Nội dung 2**  Hoạt động thần kinh cấp cao của người | Phát biểu ý nghĩa của sự hình thành và sự ức chế phản xạ có điều kiện | Ví dụ về việc dùng chữ viết, tiếng nói để giao tiếp với nhau | Chứng minh tiếng nói là tín hiệu gây ra phản xạ có điều kiện ở con người |  |
| **Nội dung 3**  Vệ sinh hệ thần kinh | Nhận biết tác hại của làm việc quá sức, hức quá khuya | Giải thích ý nghĩa giấc ngủ đối với sức khỏe của con người | Xác định tác hại của các chất kích thích đối với hệ thần kinh | Tổ hợp lại 1 số việc làm tránh suy giảm hệ thần kinh |

**2. Câu hỏi/Bài tập**

***\*Câu hỏi/Bài tập-Nhận biết:***

***Câu 1:****Trình bày quá trình hình thành một phản xạ có điều kiện (tự chọn) và nêu rõ những điều kiện để sự hình thành có kết quả.*

***Câu 2:****Nêu rõ ý nghĩa của sự hình thành và sự ức chế phản xạ có điều kiện đối với đời sống các động vật và con người.*

***Câu 3:****Tại sao không nên làm việc quá sức? Thức quá khuya?*

***\*Câu hỏi/Bài tập-Thông hiểu***

***Câu 4****: Lấy 3 ví dụ về phản xạ không điều kiện, 3 ví dụ về phản xạ có điều kiện*

***Câu 5****:Cho ví dụ về việc dùng chữ viết, tiếng nói để giao tiếp với nhau khi không gặp trực tiếp nhau*

***Câu 6****: Vì sao nói ngủ là nhu cầu sinh lí của cơ thể, giấc ngủ ý nghĩa như thế nào đối với sức khỏe của con người?*

*- Muốn có giấc ngủ tốt cần những điều kiện gì, nếu những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến giấc ngủ.*

***\*Câu hỏi/Bài tập-Vận dụng****:*

***Câu 7****: Xác định nguyên nhân của việc mình bị quên 1 số bài thơ đã được học ở lớp 1 và nhớ 1 số bài thơ mới được học ở lớp 8?*

***Câu 8:****Chứng minh tiếng nói là tín hiệu gây ra phản xạ có điều kiện ở con người*

***Câu 9:*** *Hoàn thành chỗ trống*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại chất | Tên chất | Tác hại |
| Chất kích thích |  |  |
| Chất gây nghiện |  |  |
| Chất làm suy giảm chức năng hệ thần kinh |  |  |

***\*Câu hỏi/Bài tập-Vận dụng cao***:

***Câu 10:*** *Trong vệ sinh đối với hệ thần kinh cần quan tâm tới những vấn đề gì ? Vì sao?*

***Dự kiến sản phẩm***

***Câu 1***:*Quá trình hình thành một phản xạ có điều kiện (tự chọn) và nêu rõ những điều kiện để sự hình thành có kết quả.*

*Có thể lấy ví dụ : khi cho gà ăn kết hợp với gõ mõ nhiều lần sẽ hình thành ở gà phản xạ có điều kiện : "tiếng mõ là tín hiệu gọi ăn", nên khi nghe mõ là gà chạy về ăn. Sở dĩ như vậy là do giữa vùng thính giác và vùng ăn uống trên vỏ não đã hình thành đường liên hệ tạm thời. Tuy nhiên, nếu gõ mõ, gà chạy về mà không được cho ăn nhiều lần thì về sau khi nghe tiếng mõ gà cũng không chạy về nữa. Đó là do đường liên hệ tạm thời giữa vùng ăn uống và vùng thính giác không được củng cố nên đã mất.*

***Câu 2***: *Ý nghĩa của sự hình thành và ức chế phản xạ có điều kiện đối với đời sống động vật và con người là :*

*- Đối với động vật : đảm bảo sự thích nghi với môi trường và điều kiện sống thay đổi.*

*- Đối với con người : Đảm bảo sự hình thành các thói quen, tập quán trong sinh hoạt cộng đồng.*

***Câu 3****: Không nên làm việc quá sức và thức quá khuya vì sẽ ảnh hưởng đến khả năng phục hồi hoạt động của hệ thần kinh và hoạt động của các hệ cơ quan khác.*

***Câu 4***:

*\*3 ví dụ về phản xạ không điều kiện:*

*+ Khi hít phải luồng không khí có nhiều bụi ta hắt hơi.*

*+ Khi thức ăn chạm vào khoang miệng lưỡi thì nước bọt tiết ra.*

*+ Bị muỗi cắn ngứa chân. Ta đưa tay gãi chỗ ngứa ở chân.*

*\*3 ví dụ về phản xạ có điều kiện:*

*+ Chạy xe đạp.*

*+ Thấy thầy giáo bước vào, cả lớp đứng dậy chào*

*+ Nghe gọi tên mình, ta quay đầu lại.*

***Câu 5****:Ví dụ về việc dùng chữ viết, tiếng nói để giao tiếp với nhau khi không gặp trực tiếp nhau:*

*-Gọi điện thoại nói chuyện với nhau*

*-Nhắn tin qua điện thoại cho nhau*

*-Gởi thư điện tử cho nhau*

***Câu 6:***

*- Ngủ là nhu cầu sinh lí của cơ thể vì ngủ là một nhu cầu vô cùng cần thiết với cơ thể, hơn cả ăn*

*- Ý nghĩa của giấc ngủ là để cở thể nghỉ ngơi sau một ngày dài hoạt động, phục hồi hoạt động của hệ thần kinh và các cơ quan khác, đặc biệt là mắt, và cũng là thời gian tốt để gan hoạt động đào thải chất độc ra khỏi cơ thể.*

*- Muốn có giấc ngủ tốt cần có những điều kiện:*

*+ Ngủ đúng và đủ giờ*

*+ Chỗ ngủ thoải mái, điều kiện ánh sáng thích hợp*

*+ Không dùng các chất kích thích*

*+ Hạn chế sử dụng các thiết bị điện tử trước khi đi ngủ.*

*- Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến giấc ngủ là: ánh sáng, nhiệt độ, thức ăn hấp thụ trước khi ngủ.*

***Câu 7****: Nguyên nhân của việc mình bị quên 1 số bài thơ đã được học ở lớp 1 và nhớ 1 số bài thơ mới được học ở lớp 8 là:*

* *Số bài thơ lớp 1 lâu không đọc nên đã xảy ra ức chế phản xạ có điều kiện với các bài thơ đó*
* *Nhớ 1 số bài thơ mới do được hình thành phản xạ mới này và lặp đi lặp lại nên thuộc*

***Câu 8:****Tiếng nói là tín hiệu gây ra phản xạ có điều kiện ở con người:Nói: Chanh, me. Phản xạ là tiết nước bọt*

***Câu 9:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Loại chất* | *Tên chất* | *Tác hại* |
| *Chất kích thích* | *Rượu, Nước chè, cà phê* | *- Hoạt động vỏ não bị rối loạn, trí nhớ kém.*  *- Kích thích hệ thần kinh gây khó ngủ* |
| *Chất gây nghiện* | *- Thuốc lá.*  *-Ma túy* | *- Cơ thể suy yếu, dễ mắc bệnh nguy hiểm.*  *- Giảm hoạt động của trí óc.*  *- Suy giảm giống nòi* |
| *Chất làm suy giảm chức năng hệ thần kinh* | *Cocain* | *Tê liệt các đoạn dây thần kinh cảm giác, sử dụng liều cao có thể gây độc* |

***Câu 10****:Trong vệ sinh đối với hệ thần kinh cần chú ý để tránh suy giảm hệ thần kinh như:*

*- Không làm việc quá sức.*

*- Đảm bảo giấc ngủ để hồi sức, có chế độ làm việc và nghỉ ngơi khoa học.*

*- Tránh các kích thích quá mạnh về âm thanh và ánh sáng.*

*- Giữ gìn vệ sinh tai, mắt...*

*- Tránh sử dụng những chất gây hại đối với hệ thần kinh như :*

*+ Chất kích thích : rượu, chè, cà phê ... thường kích thích làm thần kinh căng thẳng gây khó ngủ, ảnh hưởng không tốt đối với sức khỏe.*

*+ Chất gây nghiện : heroin, cây cần sa ... thường gây tê liệt hệ thần kinh, ăn ngủ kém, cơ thể gầy gò, yếu và tác hại về mặt xã hội.*

***V. Phụ lục***

**Phiếu học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tính chất của phản xạ không điểu kiện** | **Tính chất của phản xạ có điều kiện** |
| 1.   Trả lời các kích thích rương ứng hay kích thích không điều kiện   2.   Bẩm sinh.   3.   ?   4.   Có tính chất di truyền, mang tính chất chủng loại   5.   ?   6.   Cung phản xạ đơn giản   7. Trung ương nằm ở trụ não, tuỷ sống | 1.   Trả lời các kích thích bất kì hay kích  thích có điều kiện đã được kết hợp với  kích thích không điều kiện mộtt số lần)   2.   ?   3.   Dễ mất khi không củng cố   4.   ?  5.   Số lượng không hạn định  6.  Hình thành đường liên hệ tạm thời   7.    ? |